

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 01 – 2018

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Ông Nguyễn Việt Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 729/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 817/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu A, sinh năm: 1967, (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 155, Quang Trung, khóm K, phường P, Tp.C, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Số 66A, Lý Văn Lâm, khóm 5, phường K, Tp.C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Tấn H, sinh năm: 1964, (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 155, Quang Trung, khóm K, phường P, Tp.C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Thu A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Tấn H xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố C. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận. Do giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc nên ông, bà đi đăng ký lại vào năm 2012.

Quá trình chung sống, bà A cho rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do ông H có lối sống cũ kỹ, lác hậu, bảo thủ, không biết quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình mà luôn muốn người khác, phục tùng, phục vụ cho mình. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, bất hòa,

tình cảm phai nhạt nên bà và ông H đã ly thân khoảng 08 năm nay. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà A xác định giữa bà và ông H có 01 con chung tên Trịnh Lê Thảo N, sinh năm 2002, hiện cháu N đang chung sống với bà. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A xác định vợ chồng bà có tài sản chung nhưng bà không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng bà.

* Ông Trịnh Tấn H trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung đúng như bà A trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng ông cho rằng đôi lúc cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì điều kiện công việc giảng dạy của ông, việc kinh doanh của vợ ông nên vợ chồng ít có thời gian gần gũi, cảm thông và chia sẻ nên vợ chồng ông đã ly thân nhiều năm nay. Dù vậy, ông cho rằng vẫn còn thương vợ và cần có thêm thời gian để ông thay đổi cách sống, sẽ tìm giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng và nuôi dạy con cái nên ông không đồng ý ly hôn với bà A. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà A nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung để vợ chồng ông tự thỏa thuận; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà A và ông H là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu A và ông Trịnh Tấn H xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong mối quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ và thương yêu lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng, ông, bà mỗi người đều có cách sống, công việc khác nhau, ít có điều kiện gần gũi, an ủi và cảm thông cho nhau nên không hiểu về nhau, từ đó, vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau; mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, ông, bà cũng tự dung hoà để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có hiệu quả. Thực tế ông, bà cũng không còn chung sống vợ chồng khoảng 08 năm nay. Thời gian này nhằm tạo điều kiện cho ông, bà thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua để tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, tự bản thân ông H cũng biết rõ là không thể chung sống với bà A được nữa. Tuy nhiên, ông

vẫn muốn kéo dài cuộc hôn nhân mà không có mục đích gì cụ thể. Bên cạnh đó, bà A cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì bà cũng không thể quay lại chung sống với ông H, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm và cuộc sống vợ chồng muốn duy trì được cần phải có sự dung hoà, cảm thông, chia sẻ và xây đắp của cả hai bên chứ không phải sự ép buộc, níu kéo từ một phía; hơn nữa tình cảm vợ chồng của ông H và bà A đã rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung nên không thể hàn gắn được. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà A và ông H xác định giữa ông, bà có 01 con chung tên Trịnh Lê Thảo N, sinh năm 2002, hiện đang chung sống với bà A. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H xác định: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà A nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu N thì nguyện vọng của cháu muốn chung sống với bà A. Đồng thời quan điểm của ông H cũng thống nhất giao cháu N cho bà A nuôi. Do đó, cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông H, bà A và nguyện vọng của cháu N giao cháu N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, bà A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà A và ông H xác định có tài sản chung nhưng ông, bà không yêu cầu Tòa án phân chia nên không đặt ra xem xét;

[5] Về nợ chung: Bà A và ông H khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu A về việc xin ly hôn ông Trịnh Tấn H.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà A và ông H giao cháu Trịnh Lê Thảo N, sinh ngày 31/3/2002 cho bà Lê Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Trịnh Tấn H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà A và ông H xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án phân chia nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà A và ông H khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà A phải chịu 300.000đ. Ngày 28 tháng 9 năm 2017, bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 3672 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà A và ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND P5, Tp.CM;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải